

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Nội tại vững chắc đưa định giá về vùng hấp dẫn

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Trần Thị Ngọc Hòa

hoa.ttn@miraeasset.com.vn

Thế giới

- **Thị trường chứng khoán Mỹ đạt mức đỉnh mới trong tuần qua.** Tâm lý thị trường được củng cố bởi **dữ liệu việc làm khả quan hơn kỳ vọng**, khi số lượng việc làm phi nông nghiệp tăng 115.000 trong tháng 4, vượt xa kỳ vọng tăng 62.000, trong khi tỷ lệ thất nghiệp giữ ở mức 4,3%. Thêm vào đó, **Tổng thống Donald Trump cho biết thỏa thuận ngừng bắn kéo dài một tháng với Iran vẫn đang được duy trì, bất chấp các cuộc đụng độ mới giữa lực lượng Mỹ và Iran.**

Việt Nam

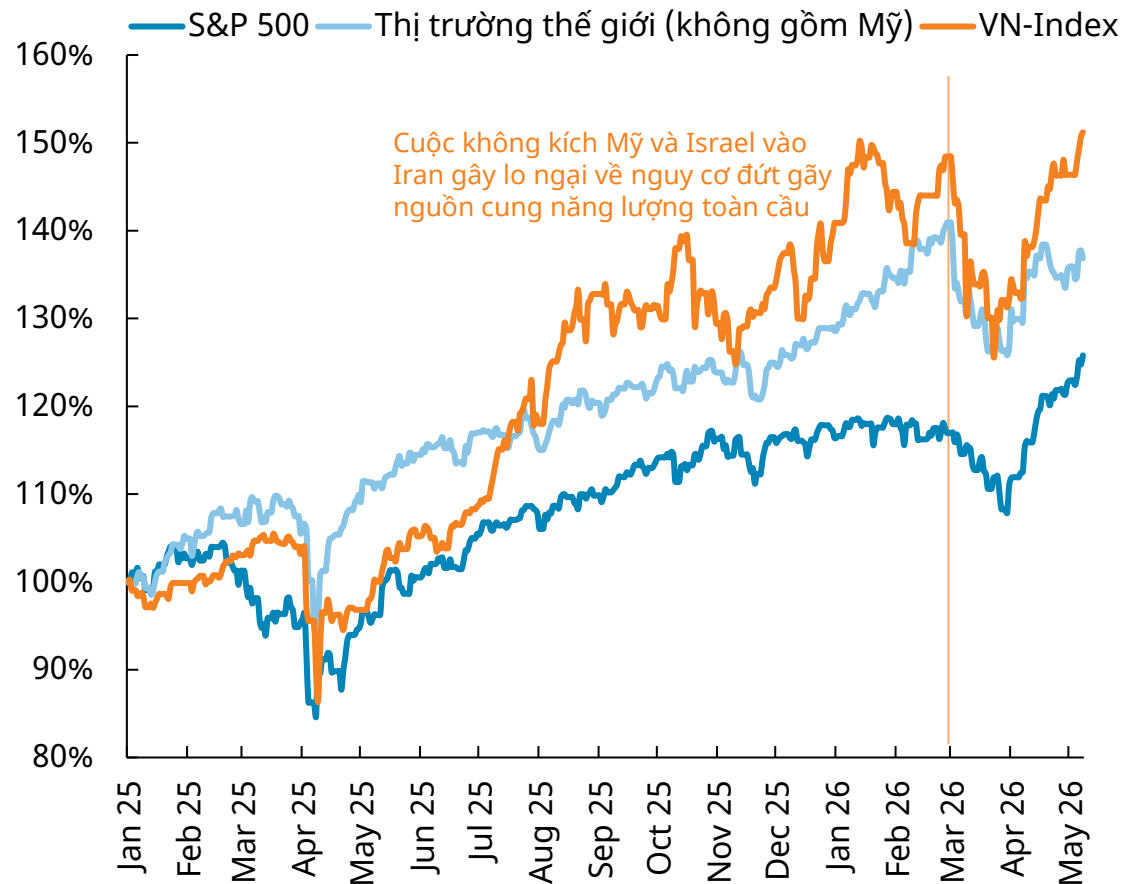
- **Tiêu điểm tuần:**
 - Ngân hàng Nhà nước đang **lấy ý kiến dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2019/TT-NHNN quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**
 - **Nghị định 144/2026/NĐ-CP mở rộng danh mục đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng**
 - **Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia và các quy hoạch vùng thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050**
 - **Moody's Ratings điều chỉnh triển vọng tín nhiệm từ mức 'Ổn định' lên 'Tích cực'** cho các ngân hàng tiêu biểu **VCB, Agribank, ACB, HDB**
- **Tỷ giá USD/VND hạ nhiệt trên thị trường tự do. Lãi suất liên ngân hàng tăng** (O/N: 5,72%; +184bps WoW). NHNN tiếp tục bơm ròng qua OMO.
- **VN-Index: 1.915,4 điểm (+3,3% WoW).** GTGD bình quân 21 nghìn tỷ đồng/ngày (+15,4% WoW). Dịch vụ tài chính, Tiện ích, Ngân hàng thu hút dòng tiền.
- **Trong ngắn hạn, độ biến động có thể gia tăng tại vùng đỉnh.** Thị trường đang ở vùng đỉnh lịch sử 1900 điểm, với các thông tin về mùa ĐHCĐ và KQKD quý 1 được công bố và gần như đã phản ánh vào thị trường. Chúng tôi cho rằng lựa chọn các cổ phiếu có mức định giá hấp dẫn với triển vọng khả quan vẫn là lựa chọn ưu tiên khi thị trường có thể có những nhịp rung lắc tại vùng đỉnh. **Ngưỡng hỗ trợ: 1850–1880.**
- **Định giá:** KQKD quý 1 tích cực, với NPATMI tăng 50% YoY, giúp đưa **P/E của VN-Index về mức hấp dẫn 15,6x (so với mức trung bình dài hạn 17x).**

1 Tổng quan

Bối cảnh toàn cầu: Duy trì đà tăng

- Mỹ:
 - Thị trường chứng khoán Mỹ đạt mức đỉnh mới trong tuần qua. Tâm lý thị trường được củng cố bởi dữ liệu việc làm khả quan hơn kỳ vọng, khi số lượng việc làm phi nông nghiệp tăng 115.000 trong tháng 4, vượt xa kỳ vọng tăng 62.000, trong khi tỷ lệ thất nghiệp giữ ở mức 4,3%. Thêm vào đó, **Tổng thống Donald Trump cho biết thỏa thuận ngừng bắn kéo dài một tháng với Iran vẫn đang được duy trì, bất chấp các cuộc đụng độ mới giữa lực lượng Mỹ và Iran.**
 - Thị trường hiện đang cân nhắc giữa dữ liệu kinh tế khả quan và kỳ vọng rằng Fed sẽ vẫn thận trọng khi giá năng lượng tăng cao tiếp tục làm gia tăng rủi ro lạm phát.

Thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam (VN-Index)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới ngày 08/05/2026.

1 Tổng quan (Tiếp theo)

Sự kiện thế giới sắp tới

- **Mỹ:** Tâm điểm chú ý tuần này là chỉ số CPI tháng 4 của Mỹ. Thị trường **dự phóng CPI tháng 4 tăng lên mức 3,4% YoY** (từ mức 3,3% của tháng 3 đánh dấu mức cao nhất kể từ tháng 5/2024 trong bối cảnh chi phí năng lượng tăng cao do chiến tranh Mỹ-Iran).

Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
11/5/2026				
8:30 AM	CN	CPI (Ước tính nhanh - YoY) (T4)	1%	0.8%
9:00 PM	US	Doanh số bán nhà hiện tại (T4)	3.98M	4.05M
12/5/2026				
7:30 PM	US	CPI cơ bản (Ước tính nhanh - MoM) (T4)	0.2%	0.4%
7:30 PM	US	CPI cơ bản (Ước tính nhanh - YoY) (T4)	2.6%	
7:30 PM	US	CPI (Ước tính nhanh - MoM) (T4)	0.9%	0.6%
7:30 PM	US	CPI (Ước tính nhanh - YoY) (T4)	3.3%	3.4%
13/5/2026				
7:30 PM	US	Chỉ số giá sản xuất (PPI) (MoM) (T4)	0.5%	0.4%
14/5/2026				
7:30 PM	US	Doanh số bán lẻ (MoM) (T4)	1.7%	
7:30 PM	US	Số đơn Xin trợ cấp Thất nghiệp Lần đầu (9/5)	200K	
15/05/2026				
8:15 PM	US	Sản xuất công nghiệp (MoM) (T4)	-0.5%	

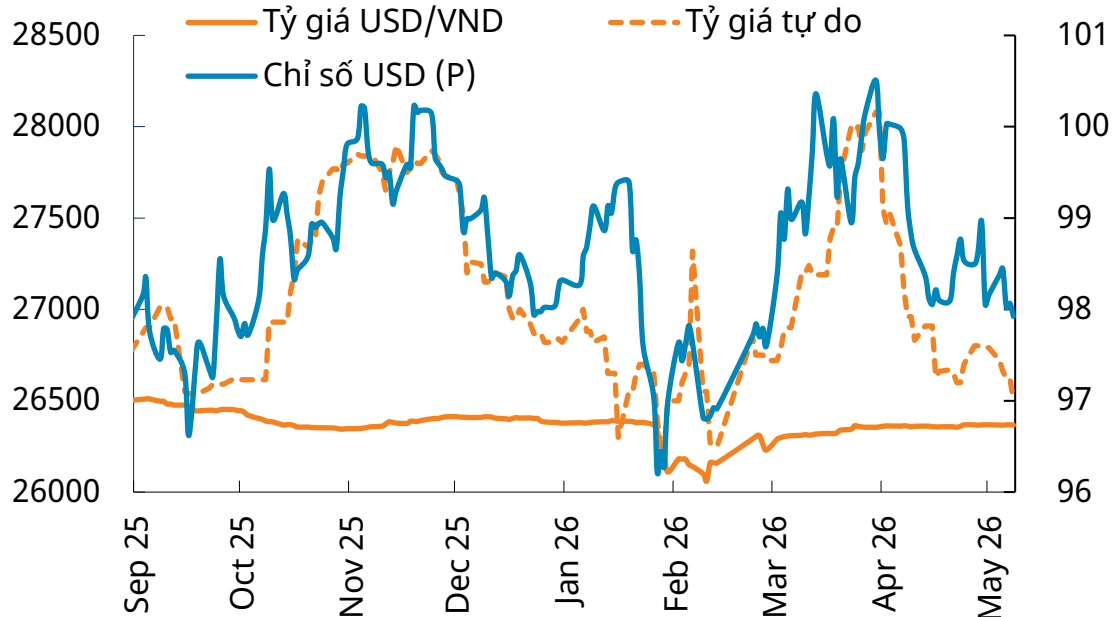
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics và Bloomberg.
Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

1 Tổng quan (Tiếp theo)

Tỷ giá tiếp tục hạ nhiệt trên thị trường tự do

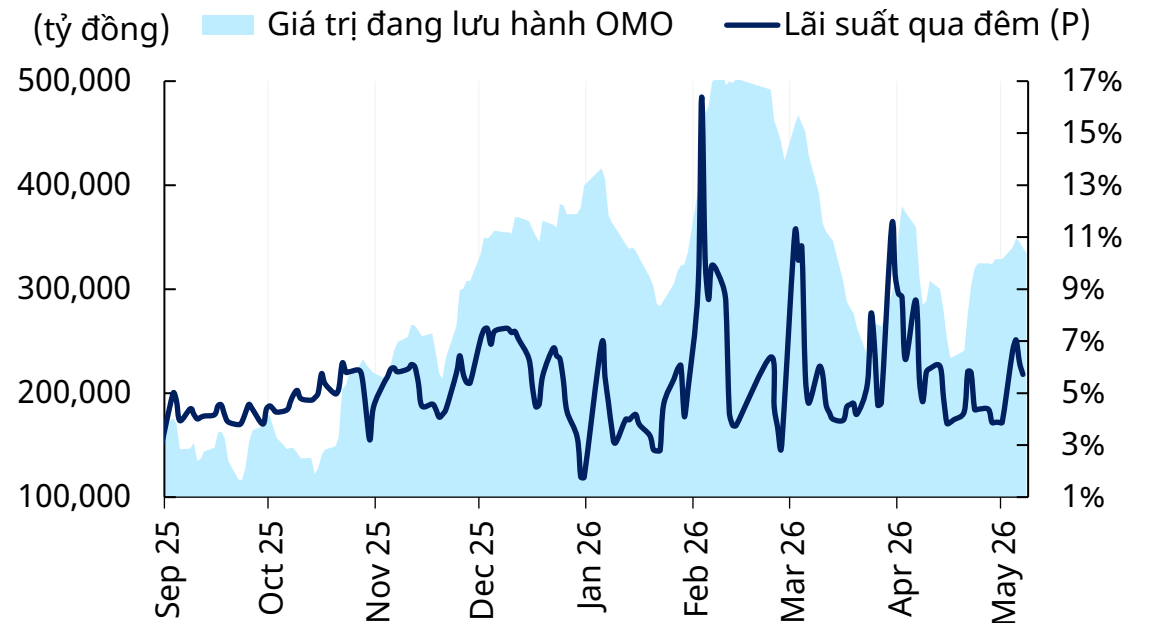
- Tỷ giá USD/VND tiếp tục hạ nhiệt trên thị trường tự do (26.500; -1,08% WoW; -1,19% YTD), trong khi thị trường chính thức (26.367; -0,4% YTD) không đổi so với tuần trước, tính đến ngày 8/5. Chỉ số DXY giảm xuống 97,9 điểm, mức thấp nhất trong 10 tuần.
- Lãi suất liên ngân hàng tăng so với tuần trước (lãi suất qua đêm 5,72%; +184bps WoW) tính đến ngày 7/5.
- Trong tuần 4-8/5, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bơm 43 nghìn tỷ đồng qua nghiệp vụ thị trường mở (mua kỳ hạn 7-56 ngày), tại mức lãi suất giữ nguyên là 4,5% (sau khi tăng 50bps kể từ ngày 3/12/2025). Theo đó, thanh khoản thị trường liên ngân hàng đã tăng 5,8 nghìn tỷ đồng.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 08/05/2026.

Thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 08/05/2026.

Cập nhật những tin tức vĩ mô trong nước

- Ngày 29/4/2026, Ngân hàng Nhà nước đang **lấy ý kiến dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2019/TT-NHNN quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng**, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Đề xuất chuyển cách xác định tỷ lệ an toàn từ LDR sang CDR, điều chỉnh cách tính tiền gửi Kho bạc Nhà nước (KBNN) và bổ sung một số chỉ tiêu quản trị rủi ro theo chuẩn Basel III.
 - **Thay chỉ tiêu “tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tiền gửi” (LDR) bằng “tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với huy động vốn” (CDR)**. Tỷ lệ CDR được xác định trên tổng dư nợ cấp tín dụng và tổng nguồn vốn huy động theo quy định. Nhìn chung cách tính mới làm tỷ lệ CDR tăng lên so với tỷ lệ LDR. Ngưỡng quy định tối thiểu vẫn ở mức 85%:
 - So với cho vay (L), tín dụng (C) được tính cộng thêm dư nợ trái phiếu doanh nghiệp và trừ vốn chủ sở hữu;
 - Huy động (D): Loại trừ tiền gửi liên ngân hàng và bổ sung 20% tiền gửi có kỳ hạn của KBNN.
 - **Bổ sung nhóm chỉ tiêu mới theo chuẩn Basel III, gồm tỷ lệ đòn bẩy (LEV), tỷ lệ khả năng chi trả (LCR) và tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR)**.
 - Các ngân hàng sẽ được miễn tuân thủ tỷ lệ CDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn nếu đáp ứng sớm yêu cầu tỷ lệ LCR và NSFR ở mức 100%.
- **Số dư tiền gửi của KBNN tại các ngân hàng thuộc nhóm Big4 gồm Vietcombank, VietinBank và BIDV ghi nhận mức tăng đáng kể so với cuối năm trước**. Cụ thể, tổng số dư tiền gửi đã tăng gần 39%, từ khoảng 406.490 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2025 lên 563.036 tỷ đồng vào cuối quý 1/2026.

Cập nhật những tin tức vĩ mô trong nước

- Ngày 6/5, Chính phủ ban hành **Nghị định số 144/2026/NĐ-CP mở rộng danh mục đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng** (có hiệu lực từ ngày 20/6), trong đó bổ sung thêm nhiều loại dịch vụ, đặc biệt ở lĩnh vực bảo hiểm và tài chính.
- **Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia và các quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.** Đây được xem là bước hoàn thiện quan trọng đối với hệ thống quy hoạch cấp quốc gia, tạo nền tảng không gian phát triển mới cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của đất nước.
 - **Tập trung phát triển 5 vùng động lực** gồm phía Bắc, phía Nam, miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long và Bắc Trung Bộ; đồng thời **hình thành các hành lang kinh tế chiến lược theo trục Bắc - Nam và Đông - Tây, tăng cường liên kết vùng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.**
- Trong tuần đầu tháng 5/2026, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế **Moody's Ratings đã điều chỉnh triển vọng tín nhiệm từ mức 'Ổn định' lên 'Tích cực'** cho các ngân hàng tiêu biểu bao gồm: **Vietcombank (VCB), Agribank (AGR), ACB (ACB) và HDBank (HDB).** Quyết định này được đưa ra ngay sau khi triển vọng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam được nâng hạng.
- **Việt Nam - Ấn Độ nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện Tăng cường (6/5/2026).** Về hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư, hai bên phấn đấu đạt mục tiêu kim ngạch thương mại 25 tỷ USD vào năm 2030 (2025: hơn 16,4 tỷ USD). Hai bên sẽ tháo gỡ rào cản thương mại để tạo thuận lợi cho hàng hóa của nhau vào thị trường mỗi nước, trong đó có nông sản.
- **Hợp tác Công nghệ Việt Nam - Ấn Độ (6/5/2026): Tập trung vào 3 trụ cột chính:** AI, Bán dẫn và Chuyển đổi số. Mục tiêu thiết lập Việt Nam thành trung tâm (hub) phát triển, tích hợp và kiểm thử công nghệ cho khu vực APAC.
- **Nâng cấp quan hệ Việt Nam - Sri Lanka lên đối tác toàn diện sau 55 năm thiết lập quan hệ ngoại giao.** Triển khai các biện pháp đột phá nhằm sớm đạt mục tiêu **kim ngạch thương mại 1 tỷ USD. Mở đường bay thẳng** kết nối trực tiếp hai nước để thúc đẩy du lịch và giao thương.

VN-Index: 1.915,4 điểm (+3,3% WoW), vượt đỉnh lịch sử

Tính đến ngày 8/5, chứng khoán Việt Nam tăng tuần thứ 7 liên tiếp, phần lớn nhờ sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu Vingroup.

- **Nhóm đóng góp tích cực:** Bất động sản (VIC, VHM) được hỗ trợ bởi thông tin kết quả kinh doanh quý 1 tích cực, Dịch vụ tài chính hỗ trợ bởi FTSE Russell cập nhật danh sách theo dõi nâng hạng thị trường gồm 23 cổ phiếu (từ danh sách 32 cổ phiếu trước đó).
- **Nhóm đóng góp tiêu cực:** Tiêu dùng thiết yếu (MCH), CNTT (FPT), Vận tải (VJC)
- **Thanh khoản:** GTGD bình quân 21 nghìn tỷ đồng/ngày (+15,4% WoW). Dịch vụ tài chính, Tiện ích, Ngân hàng thu hút dòng tiền.
- **Giá trị giao dịch hàng tuần theo nhóm nhà đầu tư tại HOSE:**
 - **Khối ngoại** bán 4,3 nghìn tỷ (Lũy kế 2026: -49,4 nghìn tỷ)
 - **Tổ chức trong nước** bán 1,6 nghìn tỷ (Lũy kế 2026: +29 nghìn tỷ)
 - **Cá nhân trong nước** mua 5,9 nghìn tỷ (Lũy kế 2026: +20,4 nghìn tỷ)

Biến động vốn hóa trong tuần và xếp hạng thanh khoản theo ngành

Phân ngành GICS	Vốn hóa			Thanh khoản	
	Giá trị (nghìn tỷ)	Tỷ trọng	Thay đổi	Xếp hạng	Thay đổi
VN-Index	9,029	100%	3.3%	54%	15.4%
Ngân hàng	2,694	29.8%	2.8%	46%	24.7%
Bất động sản	3,006	33.3%	6.1%	85%	-6.6%
Tiêu dùng thiết yếu	618	6.8%	-0.6%	46%	38.5%
Dịch vụ tài chính	523	5.8%	1.9%	31%	80.7%
Nguyên vật liệu	503	5.6%	1.4%	23%	32.2%
Xây dựng cơ bản	372	4.1%	6.7%	85%	26.8%
Tiện ích	326	3.6%	0.8%	69%	125.6%
Vận tải	292	3.2%	-0.3%	31%	9.3%
Tiêu dùng không thiết yếu	236	2.6%	0.5%	8%	-2.5%
Dầu khí	210	2.3%	6.2%	31%	-6.0%
CNTT	131	1.5%	-4.5%	46%	2.7%
Bảo hiểm	62	0.7%	-5.3%	38%	46.4%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. Dữ liệu cập nhật tới 08/05/2026.

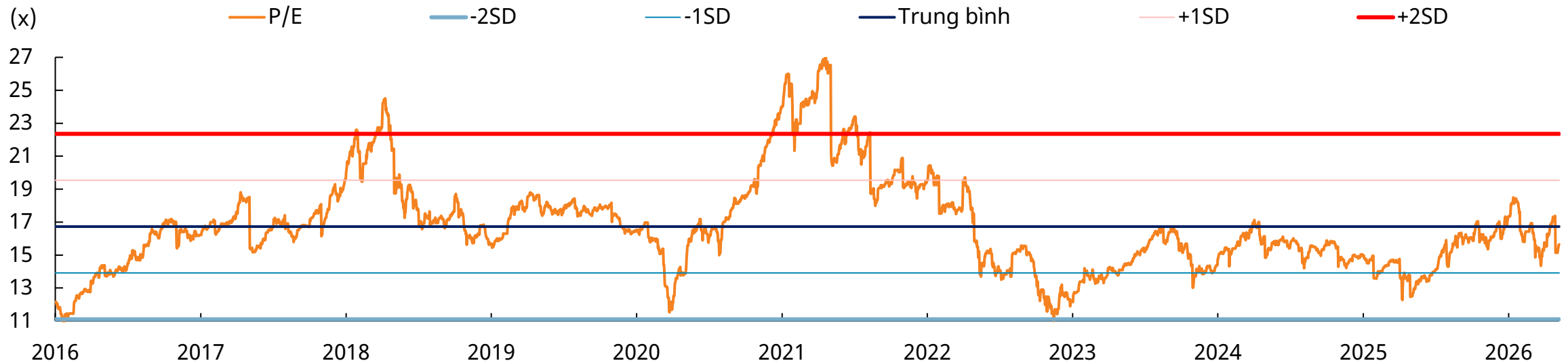
Quy tắc đánh giá của chúng tôi: Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. Tích cực (xanh) biểu thị 33,33% cao nhất; Tiêu cực (đỏ) là thấp nhất; và Trung lập (vàng) là ở giữa.

3 Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá vẫn hấp dẫn nhờ yếu tố nội tại được củng cố

- **Trong ngắn hạn, độ biến động có thể gia tăng tại vùng đỉnh.** Thị trường đang ở vùng đỉnh lịch sử 1900 điểm, với các thông tin về mùa ĐHĐCĐ và KQKD quý 1 được công bố và gần như đã phản ánh vào thị trường. Chúng tôi cho rằng lựa chọn các cổ phiếu có mức định giá hấp dẫn với triển vọng khả quan vẫn là lựa chọn ưu tiên khi thị trường có thể có những nhịp rung lắc tại vùng đỉnh.
- **Ngưỡng hỗ trợ:** 1850–1880.
- **Định giá:** KQKD quý 1 tích cực, với LNST và cổ đông thiểu số (NPATMI) tăng 50% YoY, giúp đưa **P/E của VN-Index về mức hấp dẫn 15,6x (so với mức trung bình dài hạn 17x)**. Với triển vọng tăng trưởng 2026 khả quan và chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 cho các doanh nghiệp niêm yết ở mức 20%, chúng tôi cho rằng mức định giá hiện tại vẫn hấp dẫn trong trung và dài hạn.

VN-Index và khung định giá theo mức biến động P/E trong 10 năm gần nhất



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới **08/05/2026**.

4

VN100: Các chỉ số định giá chính

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		8,970,302	1,915.37	1,921.81	1,264.87	0.3	3.3	9.0	50.8	15.59	2.18	15.14	14.40	29.21
VN30 Index		6,492,649	2,074.06	2,102.77	1,348.13	-0.2	2.5	7.4	53.5	13.79	2.21	16.85	17.90	17.54
VN100 Index		7,920,869	1,997.02	2,003.53	1,309.18	0.2	3.1	7.6	52.4	13.54	1.93	15.20	15.98	24.16
VNDiamond Index		1,735,519	2,514.54	2,795.05	2,075.97	-0.3	0.6	-0.2	21.0	10.65	1.78	17.07	25.41	4.26
Ngân hàng	VCB	507,189	60,700	76,000	55,600	0.7	1.5	0.8	6.3	14.11	2.17	16.38	20.02	9.98
	BID	308,675	42,400	54,500	35,000	3.8	5.7	2.3	19.6	9.65	1.67	18.40	17.54	12.46
	CTG	281,163	36,200	41,550	25,858	1.1	3.6	2.0	39.4	7.38	1.50	22.39	25.21	4.79
	TCB	239,869	33,850	41,650	27,250	0.4	0.0	10.3	23.5	9.21	1.36	15.85	22.52	0.02
	VPB	221,753	27,950	38,250	16,900	-0.7	5.5	1.3	64.4	8.43	1.27	16.44	24.53	5.47
	MBB	210,638	26,150	29,500	17,727	0.2	0.4	-1.7	46.6	7.60	1.47	21.15	22.96	0.28
	LPB	154,741	51,800	53,700	31,200	1.2	9.5	9.1	56.7	13.86	3.13	23.43	0.92	4.08
	STB	138,563	73,500	74,800	39,300	-0.3	8.9	11.4	86.1	18.07	2.25	7.75	12.40	17.60
	HDB	136,894	27,350	29,700	16,270	-0.5	2.8	3.8	66.9	7.50	1.70	24.53	21.77	5.23
	ACB	117,373	22,850	29,400	20,900	-0.2	-2.8	-5.2	8.8	7.22	1.19	17.51	26.20	3.80
	SHB	68,310	14,250	18,825	11,034	1.1	-2.1	-6.9	26.6	5.47	0.97	18.95	2.95	27.05
	VIB	54,634	16,050	24,800	15,263	-0.3	-1.5	-7.5	4.0	7.20	1.11	16.36	4.78	0.21
	SSB	47,796	16,800	23,800	16,350	0.0	0.6	-1.2	-10.2	15.75	1.18	14.18	0.12	4.88
	TPB	44,385	16,000	21,714	12,429	-0.3	-1.5	-3.0	19.6	6.01	1.00	17.61	24.47	5.53
	Dịch vụ tài chính	MSB	42,120	13,500	15,625	9,375	3.8	8.0	10.7	42.7	7.17	0.96	14.33	23.39
EIB		41,259	22,150	30,900	19,100	0.5	1.8	-3.9	15.1	55.19	1.59	4.45	2.94	27.03
OCB		29,959	11,250	15,400	9,676	0.0	0.0	-3.0	15.7	7.01	0.86	12.70	19.64	2.36
NAB		25,478	14,850	17,000	12,100	2.4	5.3	10.4	8.6	5.64	1.09	19.58	1.01	28.99
SSI		70,498	28,300	40,214	20,859	-0.2	2.4	-3.7	34.5	14.22	1.78	13.53	32.09	67.91
VIX		45,575	18,600	33,907	9,973	5.1	11.4	2.8	86.5	6.52	1.57	28.85	8.22	91.78
HCM		30,185	27,950	30,400	19,954	-0.9	4.5	10.0	34.2	23.57	2.10	10.06	34.80	14.20
VCI		29,781	25,950	36,630	24,222	0.2	-1.0	-10.5	-4.9	18.95	1.65	8.67	19.72	80.28
VND	25,042	16,450	27,350	14,850	-1.2	2.2	-4.1	10.8	11.47	1.17	10.52	9.47	90.53	
EVF	10,154	13,350	16,500	9,650	0.4	2.7	-4.3	36.1	11.46	1.03	9.05	0.32	14.68	
DSE	9,593	22,400	31,225	20,755	-1.3	-2.4	-7.6	4.9	36.03	1.92	7.01	11.15	88.85	
FTS	9,182	26,500	43,550	24,750	-0.2	1.7	-9.7	-24.8	22.88	2.08	9.29	24.82	75.18	
BSI	8,576	34,950	56,000	33,000	-0.3	-0.3	-8.0	-16.7	17.37	1.55	9.32	35.56	64.44	
CTS	5,711	26,850	46,500	23,042	-0.4	2.9	-7.6	15.8	9.11	2.00	22.61	0.52	48.48	

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 08/05/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	48,993	66,000	85,300	48,150	-1.8	-6.4	-21.0	35.0	16.53	2.00	12.06	27.26	21.74
Bất động sản	VIC	1,741,563	226,000	227,800	37,750	0.9	5.6	47.3	475.8	148.92	11.75	7.97	3.34	44.68
	VHM	673,616	164,000	164,000	57,400	1.5	12.3	33.3	163.7	10.40	2.57	27.70	7.94	42.06
	VPL	164,087	91,500	109,100	70,900	0.0	6.8	7.6	0.0	N/A	4.57	N/A	1.77	47.23
	VRE	81,576	35,900	43,550	23,600	-1.6	11.1	30.1	43.6	11.87	1.63	14.77	12.51	36.49
	BCM	54,855	53,000	79,500	52,700	-0.7	-0.4	-3.6	-11.7	16.34	2.51	16.37	0.93	33.07
	NVL	38,433	17,200	21,000	11,100	3.9	-16.1	9.2	36.5	11.89	0.83	7.34	5.36	43.64
	KBC	31,643	33,600	43,100	24,150	-2.6	-0.9	0.4	36.9	20.48	1.26	6.97	9.00	40.00
	KDH	27,214	24,250	37,500	24,100	0.2	-4.5	-7.3	-7.4	24.22	1.45	6.17	27.23	22.77
	VPI	19,683	61,500	62,300	48,000	0.8	0.2	6.0	17.1	50.15	3.75	7.77	9.90	39.10
	DXG	17,186	15,450	24,200	13,504	0.0	0.7	4.0	12.6	72.69	1.20	1.66	20.30	29.70
	SJS	16,867	56,700	79,000	33,436	-1.2	-1.7	15.0	60.3	35.85	4.67	14.12	0.57	49.43
	PDR	16,314	16,350	27,200	14,769	-1.2	-0.6	-1.5	6.4	26.84	1.30	5.07	6.16	43.84
	SIP	14,188	58,600	68,900	50,700	-0.7	-3.5	-4.4	-1.0	11.45	2.59	24.35	2.45	46.55
	NLG	12,858	26,500	43,159	25,600	-1.9	-4.5	-9.7	-8.2	19.60	1.01	5.54	40.75	9.25
	KOS	8,356	38,600	42,150	36,200	0.3	1.3	-0.1	-0.3	442.46	3.59	0.65	0.18	48.82
	DXS	4,413	7,620	13,950	6,120	-0.8	3.5	1.1	17.6	12.56	0.70	5.69	7.01	42.99
	HDC	3,705	18,550	37,768	17,500	-1.3	-2.9	-1.9	-10.1	5.43	1.26	26.21	1.59	47.41
Xây dựng cơ bản	GEE	81,984	128,000	140,457	45,143	4.8	28.1	11.6	178.3	25.13	10.21	45.17	0.97	49.03
	GEX	43,834	33,500	45,310	19,517	6.7	24.2	23.9	68.3	29.43	2.46	9.29	7.64	42.36
	REE	33,041	61,000	72,500	59,739	-0.7	1.2	-8.5	0.6	12.55	1.57	12.96	48.97	0.03
	VGC	19,862	44,300	66,600	39,250	1.0	4.0	-3.5	0.7	15.30	2.24	14.83	1.51	47.49
	TCH	15,460	16,950	24,571	13,700	-0.6	-6.6	-1.7	12.6	74.44	1.35	3.03	13.43	37.57
	VCG	14,255	22,050	28,600	18,150	-1.3	-0.5	-0.9	10.3	3.66	1.22	38.95	2.66	46.34
	CII	12,398	18,450	31,350	11,623	-0.8	-4.4	-1.9	61.8	107.79	1.32	1.24	3.81	36.19
	BMP	12,279	150,000	184,200	124,300	-0.4	3.0	12.6	4.2	9.86	3.86	40.38	80.47	19.53
	DIG	11,508	14,450	25,100	13,250	-0.3	-1.7	0.0	7.8	16.18	1.15	7.28	2.34	46.66

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 08/05/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	CTR	9,540	83,400	110,500	79,600	-1.9	-2.9	-4.5	-6.6	15.20	4.31	29.76	5.12	43.88
	HDG	9,286	25,100	36,200	21,773	-1.8	-3.1	-12.7	13.2	13.96	1.38	10.25	18.94	31.06
	CTD	8,588	76,800	93,878	66,757	-4.7	-11.5	-2.3	8.3	10.16	0.90	9.24	48.98	0.02
	PC1	7,444	18,100	30,150	17,750	-5.0	-7.4	-33.7	-7.3	8.10	1.14	15.27	13.53	36.47
	HHV	6,143	12,350	16,941	11,113	-1.6	-1.2	0.8	9.3	10.42	0.58	5.78	10.29	38.71
	SZC	4,806	26,700	39,100	26,450	-2.0	-1.8	-6.8	-17.8	20.84	1.50	11.00	3.72	16.28
Nguyên vật liệu	HPG	213,762	27,850	30,100	21,250	0.4	0.4	-0.5	30.0	10.13	1.54	16.45	22.45	26.55
	GVR	142,800	35,700	42,300	25,100	-0.4	5.9	7.5	34.5	25.91	2.52	10.05	0.66	12.34
	DCM	21,282	40,200	52,300	31,550	-2.2	-5.9	-11.2	18.2	10.39	1.85	18.59	9.77	39.23
	DPM	17,576	25,850	35,800	19,137	-0.6	-2.5	-10.6	31.3	15.30	1.51	11.12	5.19	44.81
	HSG	10,051	12,450	16,231	10,923	-1.2	1.5	7.2	9.7	18.51	0.88	4.77	3.92	45.08
	PHR	8,658	63,900	69,500	45,100	-1.2	4.1	1.4	36.2	13.08	2.00	16.15	13.85	35.15
	NKG	6,333	14,150	20,400	12,350	-1.0	-1.4	0.0	13.7	41.11	0.83	2.03	4.87	45.13
	HT1	5,495	14,400	18,500	11,000	-2.0	-2.7	-4.6	29.7	15.24	1.07	7.21	2.19	46.81
Tiêu dùng thiết yếu	VNM	127,278	60,900	73,000	54,800	-1.0	0.0	-2.7	6.1	13.83	3.87	27.66	48.92	51.08
	MSN	115,962	80,200	94,000	61,700	-1.0	4.4	3.2	27.3	24.56	3.33	14.73	24.83	75.17
	SAB	59,319	46,250	53,800	42,600	-0.9	-2.6	1.9	-4.7	12.70	2.66	20.77	58.50	41.50
	HAG	20,975	16,550	18,400	12,700	0.9	1.5	1.8	27.3	6.80	1.42	24.35	1.93	47.07
	SBT	18,491	20,400	25,236	16,132	0.0	0.2	-1.5	24.6	28.65	1.62	6.00	19.72	80.28
	KDC	13,882	47,900	59,000	38,700	0.0	9.4	-1.8	-14.6	22.72	2.05	9.17	15.91	34.09
	VHC	13,579	60,500	65,600	50,500	0.0	-1.1	2.2	17.0	9.10	1.37	15.91	18.94	81.06
	BAF	10,823	35,600	39,100	31,450	-0.6	-1.2	0.4	4.4	56.25	2.67	3.63	2.86	47.14

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 08/05/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

VN100: Các chỉ số định giá chính (Tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiêu dùng thiết yếu	DBC	8,660	22,500	31,696	22,100	-0.9	-0.4	-3.8	-6.3	6.31	1.03	17.51	1.44	47.56
	PAN	6,841	32,750	35,300	23,350	-0.3	4.0	2.7	38.8	5.95	1.17	20.87	22.04	26.96
	ANV	6,204	23,300	33,450	14,550	-1.5	-2.5	-5.5	49.4	5.84	1.67	31.96	4.06	44.94
Tiêu dùng không thiết yếu	MWG	124,229	84,600	93,900	60,100	-1.6	0.7	3.3	40.3	15.18	3.52	25.39	48.99	0.01
	PNJ	35,872	70,100	84,667	49,467	1.4	4.2	-1.7	42.1	10.26	2.49	27.69	48.18	0.82
	FRT	24,694	145,000	171,000	122,100	-0.5	-2.7	-5.3	6.3	27.01	5.54	27.96	32.17	16.83
	DGW	9,577	43,300	54,900	31,900	-2.0	-0.3	-5.4	27.9	14.87	2.64	19.12	23.51	25.49
Vận tải	VJC	104,242	176,200	212,500	86,600	-3.2	-2.1	4.0	96.2	39.96	4.21	10.14	6.40	23.60
	GMD	34,418	80,700	85,100	52,300	1.5	7.2	8.3	53.7	19.71	2.52	13.17	41.89	7.11
	VTP	11,414	66,000	94,822	64,735	-0.3	-2.9	-11.8	-20.4	31.35	6.18	20.77	4.16	44.84
	VSC	8,274	22,100	33,850	15,600	0.2	3.5	-13.0	20.6	30.23	1.60	5.52	1.18	47.82
	SCS	4,915	51,800	69,500	51,300	-0.2	-1.3	-4.4	-14.1	6.52	2.96	47.63	10.68	19.32
Dầu khí	BSR	129,939	25,950	39,500	10,650	1.8	10.0	1.0	133.5	9.93	1.89	20.99	1.44	47.56
	PLX	47,774	37,600	67,000	33,300	-0.3	1.2	-7.2	5.3	27.49	1.82	10.24	14.38	5.62
	PVD	17,121	30,800	43,100	17,950	-2.5	-0.6	-6.5	66.9	14.63	1.00	7.16	10.57	38.43
	PVT	10,385	22,100	30,700	16,326	-1.1	0.5	0.5	33.2	9.10	1.15	13.49	13.70	35.30
Tiện ích	GAS	180,247	74,700	122,000	58,500	-1.7	-0.7	-6.5	25.3	15.54	2.60	17.55	2.16	46.84
	POW	42,950	14,000	15,350	10,456	-2.4	10.7	7.7	32.3	12.84	1.12	9.02	4.24	45.76
	BWE	9,567	43,500	53,000	41,900	-0.5	0.0	1.0	-14.9	11.63	1.60	14.54	2.78	46.22
	NT2	6,621	23,000	28,300	17,600	-5.5	-5.0	-12.2	23.0	5.32	1.31	27.56	11.41	37.59
CNTT	FPT	122,482	71,900	111,500	71,900	-1.5	-4.8	-9.1	-27.7	12.64	3.14	27.28	30.40	18.60
	CMG	6,464	27,750	41,636	27,500	-0.5	-0.2	-5.3	-9.6	16.21	2.03	13.20	37.07	12.93
Chăm sóc sức khỏe	IMP	7,408	48,100	56,700	45,950	1.1	-5.3	-13.5	2.3	23.65	3.11	13.33	72.75	5.21

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật ngày 08/05/2026. Lưu ý: Các cổ phiếu được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Quỹ mở và ETF

Hiệu suất giao dịch

Loại quỹ	Mã quỹ	Mã AMC	Ngày thành lập	Giá trị NAV / đơn vị	Hiệu suất (%)					
					Kể từ khi thành lập	1 tháng	6 tháng	YTD	1 năm	3 năm
Cổ phiếu	MAGEF	MAGI	07/2019	22,438.64	124.39%	0.53%	6.02%	7.49%	43.76%	83.80%
	SSI-SCA	SSIAM	09/2014	45,848.15	358.48%	0.29%	3.09%	1.65%	23.64%	81.95%
	VEOF	VCFM	07/2014	35,946.78	259.47%	1.65%	1.37%	0.56%	30.78%	67.22%
	VESAF	VCFM	04/2017	34,512.25	245.12%	2.91%	-1.05%	0.37%	22.86%	60.96%
	DFVN-CAF	DFVN	01/2019	18,066.69	80.67%	2.41%	4.25%	1.04%	24.36%	44.36%
	UVEEF	UOBAM	11/2022	17,731.51	77.32%	-4.15%	5.18%	0.49%	32.02%	63.34%
	BVFED	BVF	01/2014	31,433.00	214.33%	0.84%	6.10%	3.51%	38.09%	77.63%
	BVPF	BVF	12/2016	22,753.00	127.53%	0.13%	2.26%	-0.74%	15.84%	49.75%
	FVEF	FIDES	04/2023	16,271.00	62.71%	1.09%	5.84%	6.07%	38.61%	-
	KDEF	KIM	04/2025	12,372.25	23.72%	-4.41%	3.35%	-1.16%	-	-
	LHCDF	LIGHTHOUSE	05/2024	12,003.72	20.04%	3.20%	1.69%	2.14%	17.91%	-
	VCBF-BCF	VCBF	08/2014	44,462.89	344.63%	1.21%	2.08%	3.54%	32.17%	78.29%
	VCBF-MGF	VCBF	12/2021	14,750.42	47.50%	3.47%	1.12%	2.41%	20.46%	68.46%
	VCBF-AIF	VCBF	02/2025	11,722.89	17.23%	-	1.68%	3.53%	-	-
	TCGF	TCAM	10/2024	11,835.57	18.36%	-1.73%	4.92%	-4.89%	20.28%	-
	DCDS	DRAGON CAPITAL	05/2004	104,749.36	947.49%	-3.19%	6.60%	2.62%	34.93%	96.05%
	DCDE	DRAGON CAPITAL	02/2008	30,209.81	202.10%	-3.06%	2.99%	-2.68%	19.41%	63.66%
	PHVSF	PHU HUNG	11/2022	13,480.86	34.81%	0.43%	3.80%	0.24%	21.58%	34.17%
Trái phiếu	MAFF	MAGI	11/2021	13,645.01	36.45%	2.72%	0.78%	3.65%	7.28%	24.45%
	SSIBF	SSIAM	08/2017	16,760.00	67.60%	1.69%	0.47%	2.35%	4.91%	21.52%
	VFF	VCFM	04/2013	26,102.40	161.02%	2.23%	0.65%	3.88%	7.24%	22.96%
	DFVN-FIX	DFVN	02/2021	12,135.02	21.35%	1.75%	0.83%	2.61%	5.46%	16.58%
	BVBF	BVF	04/2016	22,205.00	122.05%	2.41%	0.10%	2.91%	6.21%	21.07%
	FBF	FIDES	01/2022	12,500.00	25.00%	2.36%	1.09%	2.81%	5.58%	16.54%
	LHBF	LIGHTHOUSE	12/2022	14,972.33	49.72%	2.05%	0.48%	3.12%	6.49%	-
	VCBF-FIF	VCBF	08/2019	15,723.31	57.23%	2.95%	-0.06%	3.83%	6.71%	23.46%
	DCBF	DRAGON CAPITAL	06/2013	29,631.38	196.31%	2.19%	0.56%	3.41%	6.91%	24.27%
	DCIP	DRAGON CAPITAL	04/2019	12,099.49	20.99%	1.99%	0.50%	2.95%	5.66%	19.59%
Cân bằng	VIBF	VCFM	07/2019	20,065.98	100.66%	1.42%	1.68%	2.04%	13.98%	44.26%
	VCBF-TBF	VCBF	12/2013	39,224.54	292.25%	2.00%	1.43%	3.49%	22.41%	58.64%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Fund Distribution fundteam@miraeasset.com.vn, cập nhật ngày 08/05/2026.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.